



VIETFUND  
MANAGEMENT

# BẢN TIN QUÝ | VFM

Quý II/2013



Phát hành ngày 17/07/2013

## MỤC LỤC

### Kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán Quý II/2012

Kinh tế vĩ mô .....	3
Thị trường chứng khoán .....	4

### Tình hình hoạt động và đầu tư của Quỹ

Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1) .....	5
Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng Đầu Việt Nam (VF4) .....	7
Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFMVFA).....	9

### Công ty điển hình

Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD) .....	11
Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (VNM).....	12

Các sản phẩm và dịch vụ công ty VFM đang triển khai.....	13
--	----

Hoạt động Chăm sóc Nhà đầu tư.....	14
------------------------------------	----

Cập nhật thông tin pháp lý.....	15
---------------------------------	----

## KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong báo cáo được công ty VFM xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng. Tuy nhiên, công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong bản báo cáo này. Quan điểm, dự báo và các ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của công ty VFM và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các vấn đề thuộc các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

# KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN QUÝ II/2013

## KINH TẾ VĨ MÔ

**Nền kinh tế phục hồi nhẹ với sản xuất công nghiệp vẫn ở mức thấp và nhu cầu tiêu dùng yếu trong khi chỉ số PMI cho thấy ít triển vọng tốt trong 6 tháng cuối năm.**

Kinh tế tăng trưởng 4,9% trong nửa đầu của năm, mức tăng nhẹ so với 4,4% của cùng kỳ năm trước, trong đó GDP trong Quý II/2013 tăng 5% sau khi tăng 4,89% trong Quý I/2013. Tăng trưởng GDP trong quý hai nhờ vào mức hồi phục không quá khả quan của sản xuất công nghiệp và dịch vụ, tăng trưởng lần lượt 5,18% và 5,92% so với 4,93% và 5,65% trong quý một. Tuy nhiên, lĩnh vực nông nghiệp có mức tăng trưởng và đóng góp GDP giảm xuống lần lượt 2,07% và 0,4% so với 2,88% và 0,56% của cùng kỳ năm trước.

Cho dù chỉ số quản lý mua hàng HSBC (Purchasing Managers Index - PMI) ở mức cao hơn 50 trong 3 tháng (Một, Ba, Bốn), cho thấy dấu hiệu mở rộng của sản xuất, chỉ số này giảm mạnh xuống 46,4 trong tháng Sáu sau khi đạt 48,8 trong tháng Năm. Chỉ số PMI của tháng Sáu đủ làm các nhà đầu tư lo ngại về triển vọng phục hồi kinh tế sáu tháng cuối năm.

**Nhu cầu yếu** trong nửa đầu năm đã làm cho tăng trưởng bán lẻ hàng hóa và dịch vụ giảm lại. Theo đó, bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng trưởng chỉ 11,9%. Nếu điều chỉnh lạm phát, bán lẻ hàng hóa và dịch vụ chỉ tăng 4,9%, thấp hơn nhiều so với 6,7% của nửa đầu 2012. Tuy nhiên, tăng trưởng bán lẻ có vẻ đang trong xu hướng tăng nhẹ từ đầu năm, sau khi suy giảm mạnh từ cuối 2012.

**Lạm phát quay trở lại trong khi tăng trưởng tín dụng không khả quan.**

**Lạm phát** quay trở lại ở mức nhẹ trong tháng Sáu khi chỉ số giá tiêu dùng (Consumer Price Index - CPI) tăng 0,05% so với tháng trước sau khi giảm 0,06% trong tháng Năm. Do đó, chỉ số này tăng lên 6,69% so với một năm trước và 2,4% so với đầu năm. Trong sáu tháng cuối năm, nhiều khả năng lạm phát sẽ tăng trở lại khi lãi suất tiền đồng được cắt giảm, tăng giá xăng và gas tăng áp lực, và giá điện có thể được điều chỉnh tăng 10%-15%.

**Tăng trưởng tín dụng** tiếp tục chậm lại do ngân hàng lo ngại rủi ro hơn, nhu cầu thấp, và lãi suất cho vay vẫn ở mức cao. Theo đó, cho vay chỉ tăng 3,3% sau khi giảm nhẹ trong hai tháng đầu năm. Hoạt động cho vay không khả quan đã tác động tiêu cực lên tăng trưởng kinh tế trong sáu tháng đầu năm.

**Xuất khẩu đáng khích lệ và dự trữ ngoại hối tăng.**

**Xuất khẩu** nổi lên như một điểm sáng của kinh tế 2012 và tiếp tục trong 2013. Theo đó, xuất khẩu trong tháng Sáu đạt 11,4 tỷ đô-la Mỹ, đưa tổng giá trị xuất khẩu 6 tháng lên 62 tỷ đô-la Mỹ, tăng 16,1% so với cùng kỳ năm trước. Doanh nghiệp nước ngoài tiếp tục là trụ cột của xuất khẩu, đem lại 2/3 giá trị xuất khẩu và tăng 24,7%, bỏ xa khu vực trong nước với mức tăng khiêm tốn 2,2%.

Sau khi tăng trưởng dưới 7% trong 10 tháng cuối năm 2012, nhập khẩu tăng trở lại trong 6 tháng đầu 2013, làm tăng thâm hụt thương mại sau 9 tháng thặng dư liên tục. Cán cân thanh toán tốt trong 2012 và 6 tháng 2013 đã giúp tăng dự trữ ngoại hối lên hơn 30 tỷ đô-la Mỹ từ mức 20 tỷ đô-la Mỹ cuối 2012. Nhờ đó, Ngân Hàng Nhà Nước có nhiều dư địa hơn trong việc bình ổn thị trường ngoại hối, giảm mức biến động VND trong 6 tháng đầu năm.

## THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

### Đánh giá thị trường Quý II/2013

Quý II/2013, thị trường chứng khoán Việt Nam đã có giao dịch rất sôi động với sự tham gia mạnh mẽ của cả nhà đầu tư nội địa lẫn nhà đầu tư nước ngoài. Chỉ số VN-Index đã tăng lên đỉnh trong Quý II/2013 đạt 528 điểm và quay lại thấp hơn mức điểm đầu quý là 481 điểm vào cuối tháng 6/2013. Chỉ số HNX-Index không vượt qua nổi đỉnh Quý I/2013 – 67 điểm khi chỉ đạt tối đa 65,63 điểm.

Giá trị giao dịch trong Quý II trên sàn HOSE tương đương với Quý I/2013 khi đạt trung bình hơn 1.030 tỷ/phiên giao dịch trong khi giá trị giao dịch trên sàn HNX giảm mạnh từ 29 ngàn tỷ Quý I còn hơn 20 ngàn tỷ Quý II/2013, trung bình hơn 514 tỷ/phiên Quý I giảm còn 334 tỷ/phiên trong Quý II/2013.

Quá trình rút vốn của nhà đầu tư nước ngoài đã lấy đi toàn bộ số điểm đạt được trong Quý II khi bán ròng 359 tỷ đồng trong cả Quý II. Trong đó, các quỹ ETF nước ngoài đã rút hơn 1.000 tỷ đồng để trả lại cho các nhà đầu tư rút vốn khỏi quỹ. Việc rút vốn vào cuối tháng 6 có thể, trong đó chủ yếu là các quỹ ETF có thể hiểu là do biến động quá lớn tại các nước như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản nên nhà đầu tư phải rút tiền từ các quỹ đầu tư tại thị trường mới nổi về nhằm tránh rủi ro.

Trong Quý II/2013, các chính sách hỗ trợ của Chính Phủ cho nền kinh tế bắt đầu được triển khai, như gói 30.000 tỷ đồng hỗ trợ thị trường bất động sản hay nghị định thành lập Công ty Mua bán nợ xấu VAMC nhằm giải quyết nợ xấu của hệ thống ngân hàng. Các chính sách hỗ trợ này thường có độ trễ từ 3 đến 6 tháng, do vậy, trong quý này chưa thấy được tác động thực tế của các chính sách hỗ trợ này.

### Triển vọng thị trường Quý III/2013

Thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ ngóng đợi phản ứng từ thị trường quốc tế lẫn tác động thực tế của các chính sách hỗ trợ của Chính phủ. Thị trường Quý III sẽ phụ thuộc chủ yếu vào dòng tiền của các nhà đầu tư trong nước khi mà nhà đầu tư nước ngoài chưa quay lại đầu tư vào Việt nam sau khi rút mạnh trong tháng 6/2013. Tâm lý các nhà đầu tư trong nước chưa vững sau khi chịu áp lực thua lỗ nặng nề của các năm trước, do vậy, Quý III sẽ là quý có dao động nhỏ với thanh khoản không tốt như 2 quý trước.

Quý III/2013 bắt đầu với thông tin Công ty mua bán nợ VAMC bắt đầu hoạt động vào đầu tháng 7/2013, với kỳ vọng giải quyết được 100.000 tỷ đồng nợ xấu. Ngoài ra, các chính sách hỗ trợ khác như giảm thuế TNDN, TNCN, cũng bắt đầu triển khai từ đầu tháng 7/2013. Với các chính sách hỗ trợ của Chính phủ và việc gửi tiết kiệm cũng như các kênh đầu tư khác đang bị hạn chế, kênh đầu tư vào thị trường chứng khoán được kỳ vọng là kênh hấp dẫn trong 2 quý còn lại của năm 2013.

Tuy nhiên, thị trường tài chính đang xáo động bởi tác động xấu của giá vàng và giá đôla khi giá vàng chênh lệch lớn so với giá thế giới, giá đôla bị đẩy lên kịch trần. Các yếu tố này tạo cảm giác cho một vòng xoáy tương tự các năm trước của Việt nam khi phá giá kéo theo lạm phát cao.

Thị trường chứng khoán quốc tế được kỳ vọng ổn định hơn so với tháng 5,6/2013 khi cả Mỹ lẫn Trung Quốc phát đi những tín hiệu xấu về chính sách tiền tệ như rút gói QE3 hay thắt chặt tiền tệ. Thực tế cho thấy Mỹ đã vượt qua khủng hoảng với cả số liệu tăng trưởng lẫn giảm tỷ lệ thất nghiệp. Trung Quốc thì vẫn có dự trữ ngoại tệ cực lớn, đủ sức để không để nền tài chính quốc gia này sụp đổ. Do vậy, các nhà đầu tư nước ngoài kỳ vọng sẽ không tiếp tục rút vốn tại các thị trường mới nổi, trong đó có Việt Nam.

# QUỸ ĐẦU TƯ

<b>Tên Quỹ</b>	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1)
<b>Tên tiếng Anh</b>	Viet Nam Securities Investment Fund
<b>Mã giao dịch</b>	VFMVF1
<b>Hình thức Quỹ</b>	Quỹ công chứng dạng đóng
<b>Vốn điều lệ</b>	1.000.000.000 VND
<b>Tổng số CCQ lưu hành</b>	100.000.000 đvq
<b>Ngày thành lập</b>	20/05/2004
<b>Ngày niêm yết</b>	08/11/2004
<b>Thời gian hoạt động</b>	10 năm
<b>Công ty Quản lý Quỹ</b>	CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)
<b>Ngân hàng giám sát</b>	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương (Vietcombank)
<b>Phí quản lý</b>	2%/NAV/năm
<b>Phí lưu ký</b>	0,06%/NAV/năm (không chịu thuế VAT)
<b>Phí giám sát</b>	0,02%/NAV/năm (chưa bao gồm 10% thuế VAT)
<b>Chính sách cổ tức</b>	Hàng năm, theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư
<b>Mục tiêu đầu tư</b>	Đầu tư vào các cổ phiếu (niêm yết và chưa niêm yết) có tiềm năng tăng trưởng, chứng khoán nợ và các công cụ tiền tệ khác nhằm xây dựng mục tiêu đầu tư cân bằng.

# VF1

## Tình hình hoạt động quỹ trong Quý II/2013

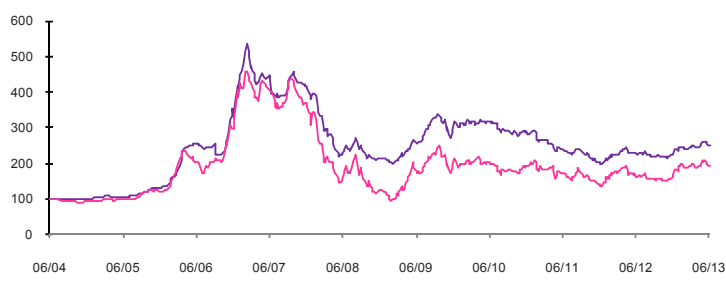
Trong Quý II/2013, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục đà tăng trưởng đến hết cuối tháng 5 nhờ các chuyển biến tích cực từ các chỉ số vĩ mô, các biện pháp hỗ trợ của chính phủ như VAMC, chính sách thuế, và quan trọng là dòng tiền nóng của các quỹ ETFs và khối ngoại. Bước vào tháng 6 thị trường chứng khoán đã chuyển qua giai đoạn điều chỉnh và giảm mạnh do áp lực bán đến từ các quỹ ETFs. Trong QII/2013, tích cực thực hiện nghị quyết của đại hội nhà đầu tư, quỹ đầu tư VF1 thanh toán hoàn toàn cổ phiếu chưa niêm yết nhằm tăng thanh khoản cho danh mục đồng thời thực hiện hóa lợi nhuận ở một số ngành. Nhờ việc thanh toán tại thời điểm thị trường tốt nên NAV của Quỹ đầu tư VF1 đạt 17.786 đồng/chứng chỉ quỹ, tăng 2,5% trong quý trong khi VN-Index giảm -2% trong cùng kỳ. Tại 30/6/2013, tỷ trọng tiền mặt của quỹ đạt 32,7% NAV.

## Thay đổi giá trị tài sản ròng

	Quy mô (tỷ đồng)	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	Tăng trưởng (%)					Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (20/5/2004)
				1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng			
VFMVF1	10,000	1,778.6	17,786	(4.7)	2.5	17.0	22.4	17.0	77.9 *	
VN-Index			481.13	(7.2)	(2.0)	16.3	22.6	16.3	83.9	
HNX-Index			62.59	(3.1)	3.9	9.6	12.8	9.6	(37.4)	

(\*) Không bao gồm cổ tức đã chốt trả cho NĐT

## Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng Index 20/05/2004 = 100



## 5 CP chiếm tỷ trọng lớn nhất

Tên cổ phiếu	Thị trường	Tỷ trọng trong NAV (%)
VNM	HOSE	19.6
DPM	HOSE	11.8
FPT	HOSE	8.9
REE	HOSE	4.9
GAS	HOSE	3.4

Tăng trưởng NAV	T01	T02	T03	T04	T05	T06	T07	T08	T09	T10	T11	T12	So với đầu năm	Bình quân năm
2013	11,6	(2,0)	4,4	(1,6)	9,4	(4,7)							17,0	36,9
2012	4,9	10,2	(0,6)	10,7	(5,2)	(0,9)	(1,4)	(1,7)	(3,4)	0,7	(2,0)	6,0	17,1	17,1
2011	2,2	(10,7)	(1,8)	(5,2)	(10,2)	1,6	(4,7)	4,5	(3,1)	(3,1)	(12,7)	(3,6)	(38,9)	(38,9)
2010	(0,8)	0,6	2,3	7,0	(4,6)	0,2	1,3	(7,9)	(0,2)	(0,6)	(3,9)	1,4	(8,2)	(8,2)
2009	(1,4)	(7,5)	4,5	8,6	10,7	8,4	7,7	14,3	8,5	(0,6)	(8,6)	1,5	50,9	50,9
2008	(6,0)	(15,0)	(15,7)	(9,0)	(20,0)	(4,2)	6,7	14,2	(9,7)	(14,0)	(1,0)	0,6	(55,8)	(55,8)
2007	25,0	47,6	33,0	19,9	24,9	0,1	(3,5)*	(2,1)	5,8	8,8	(4,2)	(2,1)	46,1*	46,1*
2006	6,0	14,7	10,3	33,5	4,0	3,2	(8,4)	1,3	4,7	(4,4)*	15,2	31,0	175,1*	175,1*
2005	0,04	2,4	1,1	(2,4)	0,2	0,5	0,2	3,5	5,6	5,8	4,7	1,2	25,2	25,2
2004						1,0	(0,6)	(0,2)	0,3	0,6	(0,2)	0,6	1,6	3,2

(\*) : Tính trên vốn bình quân

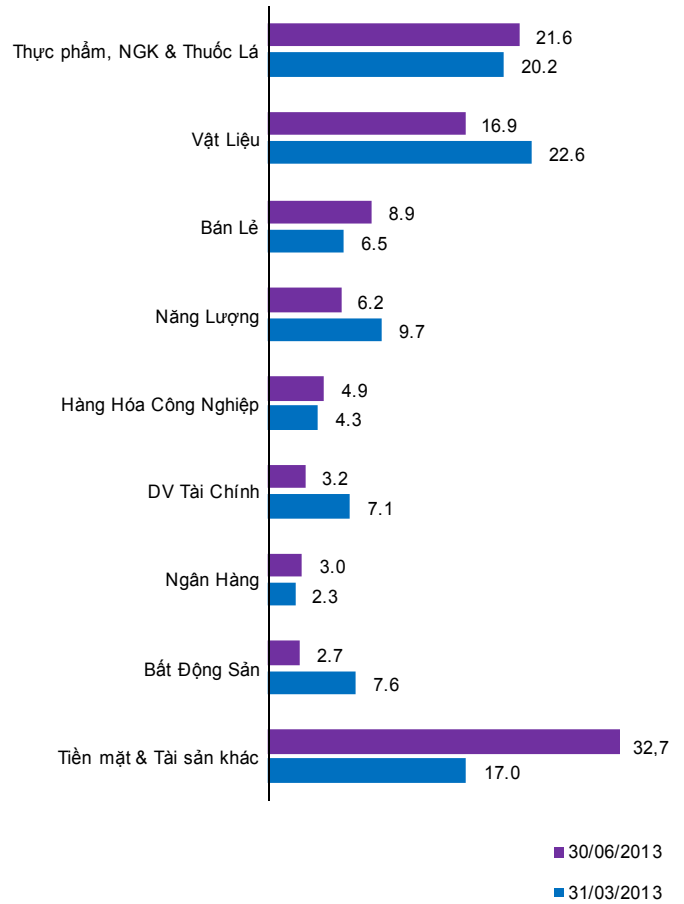


## Đánh giá tình hình danh mục đầu tư

	Lãi/lỗ (%)		Tỷ trọng trong NAV (%)
	Quý I/2013	Luỹ kế từ đầu năm	
<b>Tăng trưởng NAV (%)</b>	2.5	17.0	100.0
<b>Tổng các khoản đầu tư</b>	2.9	18.6	67.3
<b>Theo loại cổ phiếu</b>			
Cổ phiếu niêm yết	2.6	19.6	67.3
Cổ phiếu chưa niêm yết	11.2	(1.9)	-
Trái phiếu	-	-	-
<b>5 ngành tỷ trọng cao nhất</b>			
Thực phẩm, NGK & Thuốc Lá	11.3	48.8	21.6
Vật Liệu	(5.0)	15.6	16.9
Bán Lẻ	8.2	12.8	8.9
Năng Lượng	8.4	24.4	6.2
Hàng Hóa Công Nghiệp	11.6	18.4	4.9

Trong Quý II, danh mục cổ phiếu niêm yết của quỹ đầu tư VF1 cho tỷ suất sinh lợi 2,6% so với cuối Quý I/2013 nhờ chủ yếu vào tăng trưởng của các cổ phiếu ngành Thực phẩm, NGK & Thuốc Lá, HH Công nghiệp, Năng lượng và Bán lẻ, cụ thể là cổ phiếu VNM, REE, GAS và FPT. Trong khi đó danh mục cổ phiếu chưa niêm yết do được thanh toán với giá tốt đã đem lại tỷ suất sinh lợi là 11,2% so với 31/3/2013. Các ngành có tỷ trọng lớn nhất lần lượt có tỷ suất sinh lợi là ngành Thực phẩm, NGK & Thuốc Lá tăng 11,3 %, ngành Vật Liệu giảm -5 %, ngành Bán Lẻ tăng 8,2 %, ngành Năng Lượng tăng 8,4 %, ngành Hàng Hóa Công Nghiệp tăng 11,6 % trong Quý II/2013.

## Cơ cấu danh mục đầu tư



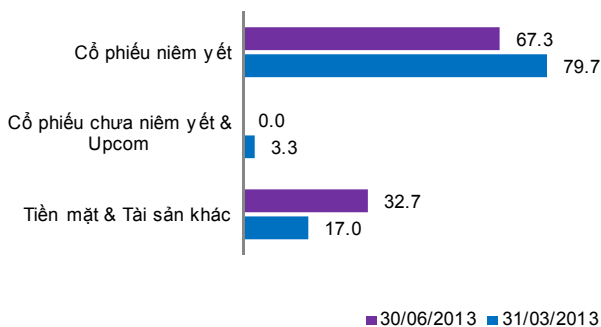
So với Quý I/2013, các ngành có tỷ trọng tăng lần lượt là Bán Lẻ, Thực phẩm, NGK & Thuốc Lá, Ngân Hàng với mức tăng lần lượt là 2,4%, 1,4%, 0,7% do sự tăng trưởng về thị giá cùng với hoạt động giải ngân ròng vào các ngành trên.

Trong khi đó các ngành có tỷ trọng giảm lần lượt là Vật Liệu, Bất Động Sản, Dịch vụ Tài Chính, Năng Lượng, Tiện ích Công Cộng với mức giảm lần lượt là -5,7%, -4,8%, -3,9%, -3,5%, -1,8% do hoạt động thực hiện hóa lợi nhuận cùng với sự sụt giảm nhẹ của các cổ phiếu ngành trên.

Tính đến thời điểm 30/06/2013, danh mục đầu tư của quỹ VF1 bao gồm 15 cổ phiếu thuộc 8 nhóm ngành, trong đó 5 nhóm ngành có tỷ trọng lớn nhất chiếm 58,5% NAV bao gồm:

- + Thực phẩm, NGK & Thuốc Lá (21,6%)
- + Vật Liệu (16,9%)
- + Bán Lẻ (8,9%)
- + Năng Lượng (6,2%)
- + Hàng Hóa Công Nghiệp (4,9%)

## Phân bổ tài sản



Trong kỳ, tỷ trọng cổ phiếu niêm yết giảm từ 79,7% NAV tại 31/03/2013 xuống 67,3% NAV tại 30/06/2013 do thực hiện hóa lợi nhuận và tỷ trọng cổ phiếu chưa niêm yết & Upcom giảm từ 3,3% NAV tại 31/03/2013 xuống 0% NAV tại 30/06/2013 do thanh toán theo mục tiêu của quỹ. Tỷ trọng tiền mặt tăng từ 17% NAV tại 31/03/2013 lên 32,7% NAV tại 30/06/2013.



# QUỸ ĐẦU TƯ

<b>Tên Quỹ</b>	Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4)
<b>Tên tiếng Anh</b>	Vietnam Blue-chips Fund
<b>Mã giao dịch</b>	VFMVF4
<b>Hình thức Quỹ</b>	Quỹ công chúng dạng đóng
<b>Vốn điều lệ</b>	806.460.000.000 VND
<b>Tổng số CCQ lưu hành</b>	80.646.000 đvq
<b>Ngày thành lập</b>	28/02/2008
<b>Ngày niêm yết</b>	12/06/2008
<b>Thời gian hoạt động</b>	10 năm
<b>Công ty Quản lý Quỹ</b>	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
<b>Ngân hàng giám sát</b>	Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
<b>Phí quản lý</b>	2%/NAV/năm
<b>Phí giám sát &amp; lưu ký</b>	0,08%/NAV/năm
<b>Chính sách cổ tức</b>	Hàng năm, theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư
<b>Mục tiêu đầu tư</b>	Đầu tư vào quá trình cổ phần hoá của các doanh nghiệp lớn của nhà nước; cổ phần của các công ty có giá trị cao, sự tăng trưởng đều qua nhiều năm và có xu hướng tiếp tục sinh lợi nhuận đều đặn trong tương lai.

# VF4

## Tình hình hoạt động quỹ trong Quý II/2013

Trong QII/2013, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục đà tăng trưởng đến hết cuối tháng 5 nhờ các chuyển biến tích cực từ các chỉ số vĩ mô, các biện pháp hỗ trợ của chính phủ như VAMC, chính sách thuế, và quan trọng là dòng tiền nóng của các quỹ ETFs và khối ngoại. Bước vào tháng 6 thị trường chứng khoán đã chuyển qua giai đoạn điều chỉnh và giảm mạnh do áp lực bán đến từ các quỹ ETFs. Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/06/2013, VN-Index đạt 481,13 điểm, giảm -2% so với cuối Quý I trong khi HNX-Index đạt 62,59 điểm, tăng 3,9% trong kỳ. Kết thúc QII/2013, NAV của Quỹ đầu tư VF4 đạt 7.786,7 đồng/chứng chỉ quỹ, tăng 1,8% so với QI/2013.

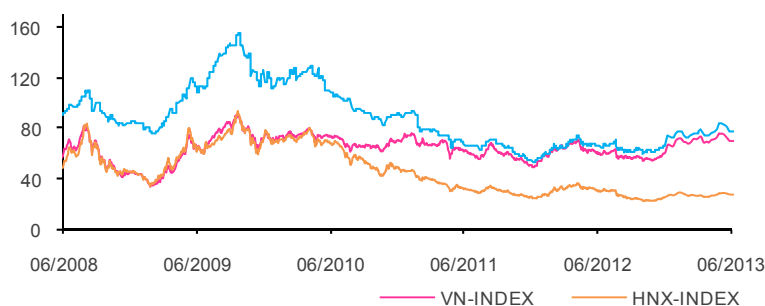
## Thay đổi giá trị tài sản ròng

	Quy mô (tỷ đồng)	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	Tăng trưởng (%)				Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (20/5/2004)
				1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng		
VFMVF4	806,5	628.0	7,787	(6.7)	1.8	17.6	26.2	17.6	(2.1) *
VN-Index			481.13	(7.2)	(2.0)	16.3	22.6	16.3	(29.9)
HNX-Index			62.59	(3.1)	3.9	9.6	12.8	9.6	(73.1)

(\*): Đã bao gồm cổ tức đã chốt trả cho NĐT

## Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng Index

28/02/2008 = 100



## 5 CP chiếm tỷ trọng lớn nhất

Tên cổ phiếu	Thị trường	Tỷ trọng trong NAV (%)
VNM	HOSE	20.0
FPT	HOSE	13.4
DPM	HOSE	13.1
GAS	HOSE	7.3
REE	HOSE	6.8

Tăng trưởng NAV	T01	T02	T03	T04	T05	T06	T07	T08	T09	T10	T11	T12	So với đầu năm	Bình quân năm
2013	15,1	(3,7)	4,2	(2,3)	11,6	(6,7)							17.6	38.3
2012	6,0	8,3	2,1	9,5	(5,3)	(0,2)	(0,7)	(3,6)	(3,7)	1,1	(1,5)	7,7	20,2	20,2
2011	1,0	(13,0)	(3,1)	(4,3)	(12,0)	2,4	(0,6)	3,2	(1,5)	(3,2)	(11,7)	5,1	(39,9)	(39,9)
2010	(3,4)	1,6	3,3	8,0	1,4	(0,8)	(4,1)	(9,4)	(10,7)	(2,2)	(3,3)	4,9	(13,1)	(13,1)
2009	(1,3)	(9,0)	8,3	11,2	13,0	6,5	7,6	16,6	6,1	(1,4)	(13,2)	0,5	48,9	48,9
2008			(2,0)	(0,9)	(5,7)	0,4	6,3	11,5	(8,5)	(12,7)	(3,7)	1,7	(17,4)	(17,4)

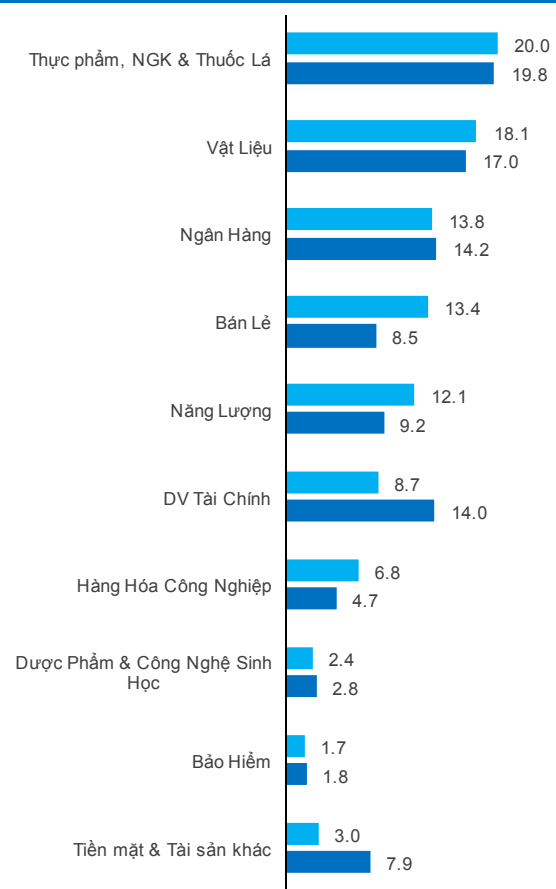


## Đánh giá tình hình danh mục đầu tư

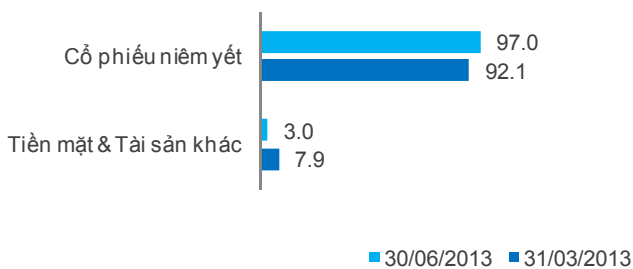
	Lãi/lỗ (%)		Tỷ trọng trong NAV (%)
	Quý I/2013	Lũy kế từ đầu năm	
<b>Tăng trưởng NAV (%)</b>	1.8	17.6	100.0
<b>Tổng các khoản đầu tư</b>	2.3	17.5	97.0
<b>Theo loại cổ phiếu</b>			
Cổ phiếu niêm yết	2.3	17.5	97.0
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-
Trái phiếu	-	-	-
<b>5 ngành tỷ trọng cao nhất</b>			
Thực phẩm, NGK & Thuốc Lá	14.3	48.8	20.0
Vật Liệu	(2.8)	17.3	18.1
Ngân Hàng	(1.8)	1.7	13.8
Bán Lẻ	7.7	11.4	13.4
Năng Lượng	9.1	22.5	12.1

Trong 5 ngành có tỷ trọng lớn nhất, ngành Thực phẩm, NGK & Thuốc Lá có tỷ suất lợi nhuận tăng 14,3 % ngành Vật Liệu có tỷ suất lợi nhuận giảm -2,8 %, ngành Ngân Hàng có tỷ suất lợi nhuận giảm -1,8 %, ngành Bán Lẻ có tỷ suất lợi nhuận tăng 7,7 %, ngành Năng Lượng có tỷ suất lợi nhuận tăng 9,1 %.

## Cơ cấu danh mục đầu tư



## Phân bổ tài sản



Trong Quý II, tỷ trọng cổ phiếu niêm yết tăng từ 92,1% NAV tại 31-03-2013 lên 97% NAV tại 30/06/2013 do hoạt động giải ngân ròng của quỹ làm cho tỷ trọng tiền mặt giảm từ 7,93% NAV tại 31/03/2013 xuống 3,01% NAV tại 30/06/2013.

Kết thúc Quý II, thứ tự trong phân bổ tỷ trọng theo ngành của quỹ VF4 là ít thay đổi so với Quý I, ngoại trừ ngành Dịch vụ tài chính được quỹ tiến hành thanh lý một phần nhằm giảm thiểu rủi ro cho danh mục. Ngoài ra, tỷ trọng ngành Bán lẻ được nâng lên 12,1% NAV do hoạt động giải ngân ròng trong quý.

Tính đến thời điểm 30/06/2013, danh mục đầu tư của quỹ VF4 bao gồm 15 cổ phiếu thuộc 9 nhóm ngành, trong đó 5 nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất bao gồm:

- + Thực phẩm, NGK & Thuốc Lá (20%)
- + Vật Liệu (18,1%)
- + Ngân Hàng (13,8%)
- + Bán Lẻ (13,4%)
- + Năng Lượng (12,1%)



# QUỸ ĐẦU TƯ

<b>Tên Quỹ</b>	Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA)
<b>Tên viết tắt</b>	Quỹ đầu tư VFMVFA
<b>Hình thức của quỹ</b>	Quỹ công chúng dạng mở
<b>Vốn điều lệ huy động lần đầu</b>	240.437.600.000 đồng
<b>Giá trị đăng ký mua tối thiểu</b>	10.000.000 (mười triệu) đồng
<b>Thời hạn hoạt động</b>	Không giới hạn
<b>Ngày thành lập</b>	02/04/2010
<b>Ngân hàng giám sát</b>	Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
<b>Công ty Kiểm toán</b>	Công ty KPMG
<b>Công ty tư vấn luật</b>	Công ty Luật TNHH Quốc tế Việt Nam (VILAF)
<b>Phí</b>	- Phí quản lý 2%/ NAV/ năm - Phí giám sát: 0,02%/NAV/năm - Phí lưu ký: 0,06%/NAV/năm và các phí khác.

## VFA

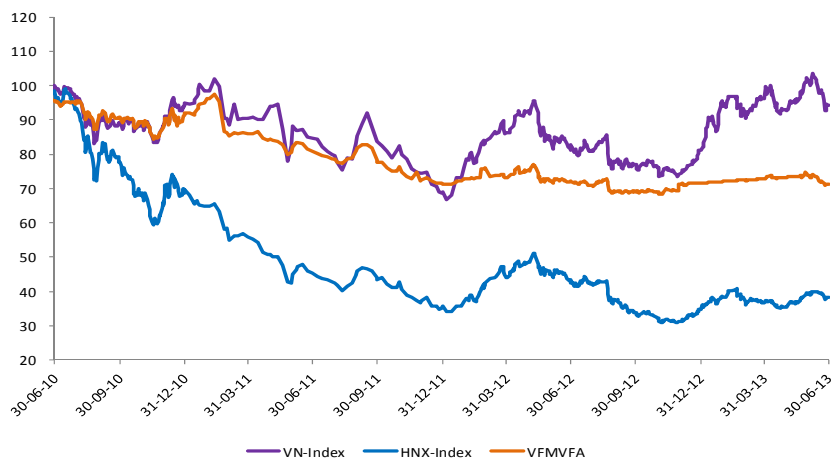
### Tình hình hoạt động quỹ trong Quý II/2013

Trong Quý II/2013, thị trường chứng khoán Việt Nam dao động trong biên độ hẹp khi VN-Index giảm 2,0% và HNX-Index tăng 3,9%. Quỹ VFMVFA, bắt đầu hoạt động từ tháng 5/2013, đạt 7.119,9 đ/ccq, giảm 2,4% trong QII/2013.

### Thay đổi giá trị tài sản ròng

	QII/2013			Tăng trưởng (%)					
	Tổng số CCQ mở (triệu đơn vị)	NAV (tỷ đồng)	NAV/dvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (20/5/2004)
VFMVFA	17,9	127,7	7.119,9	(3,6)	(2,4)	(0,6)	3,0	(0,6)	(28,8)
VN-Index			481,13	(7,2)	(2,0)	16,3	22,6	16,3	(5,7)
HNX-Index			62,59	(3,1)	3,9	9,6	12,8	9,6	(61,9)

### Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng Index 02/04/2010 = 100





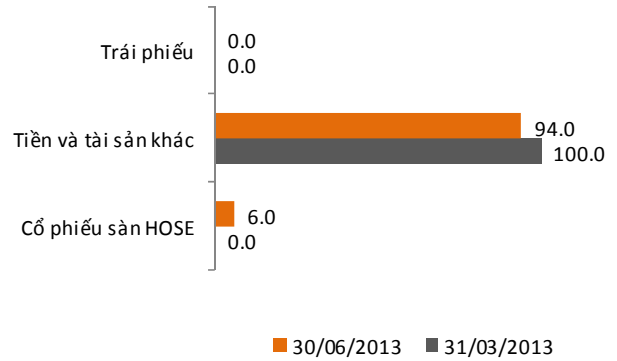
## Đánh giá tình hình danh mục

	% NAV	IR QII/2013	Đóng góp vào NAV (%)
<b>Chiến lược MATF trên cổ phiếu</b>	50,0	(4,9)	(2,5)
<b>Chiến lược HQT</b>	50,0	0,2	0,1
<b>Tổng</b>	<b>100</b>		<b>(2,4)</b>

Trong QII/2013, chiến lược MATF trên cổ phiếu (tỷ trọng 50% NAV) thực hiện gần một vòng mua bán khi giải ngân 61,8 tỷ đồng và thanh toán 50,4 tỷ đồng các cổ phiếu sàn HOSE. Chiến lược HQT không có mua bán trong cùng kỳ.

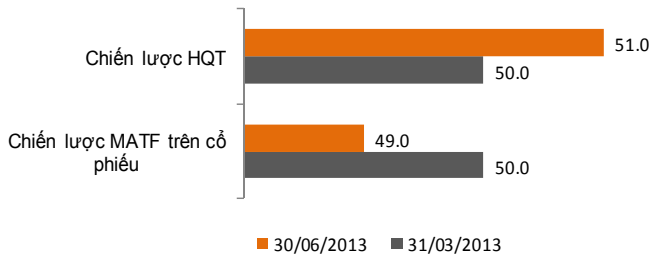
Chiến lược MATF trên cổ phiếu có tín hiệu giả trong kỳ nên có tỷ suất lợi nhuận (ROI) là -4,9% và đóng góp -2,5% vào mức tăng trưởng của NAV. Chiến lược chọn lọc tín hiệu (High Quality Trading - HQT) chủ yếu đầu tư vào tài sản an toàn và có mức lợi nhuận 0,2% đóng góp 0,1% vào mức tăng trưởng của NAV.

## Theo tín hiệu mua bán (%)



Cả 2 chiến lược MATF trên cổ phiếu và chiến lược HQT tập trung đầu tư vào các cổ phiếu trên sàn HOSE và trái phiếu chính phủ để bảo đảm tính thanh khoản và tính an toàn cho các tín hiệu. Chiến lược MATF do chưa thanh toán hoàn toàn tín hiệu mua trong tháng 5 nên có tỷ trọng HOSE chiếm 6% NAV.

## Theo tín hiệu mua bán (%)



Do hiệu suất đầu tư của chiến lược MATF trên cổ phiếu thấp hơn chiến lược HQT trong QII/2013, tỷ trọng của chiến lược MATF trên cổ phiếu giảm nhẹ và tỷ trọng của chiến lược HQT tăng nhẹ.



# TỔNG CTCP KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Mã chứng khoán : PVD  
 Niêm yết tại : HOSE  
 Ngành : Năng lượng

## Giới thiệu công ty

Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PVD) được thành lập vào 2001 trên cơ sở là Xí nghiệp dịch vụ kỹ thuật dầu khí biển PTSC Offshore – chuyên cung cấp các dịch vụ cho thuê thiết bị khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn và các dịch vụ giàn khoan khác vốn đã phát triển từ 1994. Trải qua hơn 10 năm phát triển, bên cạnh là nhà cung cấp dịch vụ khoan hàng đầu trong nước, PVD đã đầu tư và hiện đang sở hữu 5 giàn khoan trên biển và đất liền hoạt động cả trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Hiện nay, cả 5 giàn khoan của PVD đều đang hoạt động với hiệu suất rất tốt khoảng 98%, cao hơn so với mức trung bình của thế giới dành cho giàn có độ tuổi tương đương là ~90%. Bên cạnh đó, thị phần dịch vụ giàn khoan của doanh nghiệp cũng có những bước tăng trưởng mạnh mẽ, từ 10% vào 2008 tăng lên khoảng 80% vào 2012.

## Tiềm năng tăng trưởng

Theo khảo sát từ BP, trữ lượng dầu khí của Việt Nam còn có thể khai thác được khoảng 60 năm. Do vậy, nhu cầu về thuê giàn khoan để khai thác nguồn dầu khí này vẫn còn rất lớn.

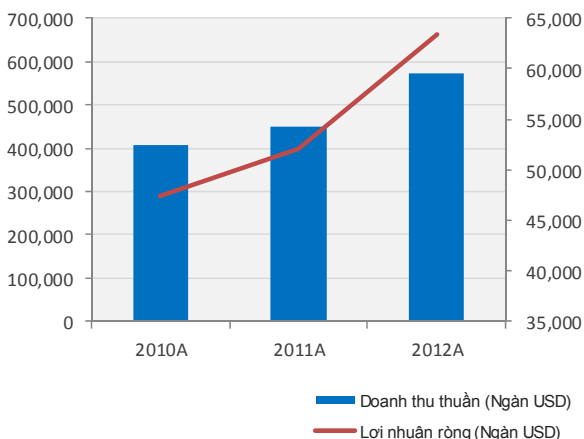
Trong 3 năm qua 2010 – 2012, tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận sau thuế bình quân đạt tương ứng 35% và 10%. Theo kế hoạch phát triển, công ty dự kiến sẽ đầu tư thêm 2 giàn khoan jack-up mới trong vòng 5 năm tới với tổng chi phí đầu tư ước tính là hơn 400 triệu USD. Theo đó, doanh thu ước tính sẽ tăng trung bình 10% mỗi năm cho giai đoạn này. Đồng thời, bên cạnh thị trường truyền thống ở trong nước, PVD cũng dự kiến sẽ từng bước tiến ra thị trường khu vực và quốc tế trong tương lai không xa.

## Kết quả năm 2012 và triển vọng năm 2013

Trong 2012, PVD lần lượt đạt 573 triệu và 63 triệu đô-la Mỹ doanh thu và lợi nhuận sau thuế dành cho cổ đông, tăng khá mạnh tương ứng 27% và 22% so với kết quả thực hiện 2011. Kết quả tăng ấn tượng chủ yếu nhờ việc đưa giàn khoan TAD vào hoạt động từ giữa tháng 2/2012 và việc giá cho thuê giàn tăng khá tốt.

Trong 2 quý đầu năm 2013, theo số liệu từ công ty công bố, lợi nhuận sau thuế ước đạt khoảng 39 triệu đô-la Mỹ. Chúng tôi dự đoán doanh thu 2013 tăng không đáng kể, khoảng 3%, nhưng lợi nhuận sau thuế sẽ tiếp tục tăng mạnh hơn 20% so với kết quả 2012 nhờ vào các yếu tố (i) giá cho thuê giàn khoan tăng trung bình khoảng 12%; (ii) lợi nhuận từ công ty liên doanh PVD – Baker Hughes sẽ dần dần được hạch toán và (iii) công ty sẽ đưa thêm các giàn khoan thuê mới vào hoạt động.

DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN 2010 - 2012



Chỉ tiêu tài chính	2010A	2011A	2012A
Doanh thu thuần (Ngàn USD)	406,638	449,550	572,760
Tăng trưởng DT thuần (%)	69%	11%	27%
Lợi nhuận ròng (Ngàn USD)	47,364	52,079	63,462
Tăng trưởng LN ròng (%)	-1%	10%	22%
EPS (USD)	0.22	0.25	0.30
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	23%	22%	22%
Tỷ suất lợi nhuận ròng (%)	12%	12%	12%
ROA	6%	6%	8%
ROE	17%	18%	21%
Giá trị sổ sách (USD)	1.31	1.42	1.60
Nợ/Tổng tài sản (%)	64%	66%	63%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán PVD



VINAMILK

# CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Mã chứng khoán : VNM

Niêm yết tại : HOSE

Ngành : Thực phẩm

## Giới thiệu công ty

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) là công ty lớn nhất sản xuất sữa và các sản phẩm dinh dưỡng tại Việt Nam với hơn 200 sản phẩm. Các sản phẩm của Vinamilk được phân loại theo bốn nhóm chính: sữa bột, sữa đặc, sữa nước và sữa chua. Theo báo cáo của Euromonitor International, Vinamilk chiếm thị phần sữa nước lớn nhất với 45,5% và đứng thứ 2 thị phần sữa bột với 19%.

Năm 2012, công ty đạt doanh thu 26.561 tỷ đồng, cao hơn 23% so với năm 2011 và lợi nhuận 5.819 tỷ đồng, tăng 38% so với năm 2011. Thương hiệu và sản phẩm Vinamilk được người tiêu dùng tin dùng trên toàn quốc và xuất khẩu qua các nước Trung Đông, Campuchia, Philippines với kim ngạch xuất khẩu đạt trên 178 triệu đô-la Mỹ trong năm 2012.

Ngoài ra, công ty cũng hợp tác sản xuất sữa ra ngoài lãnh thổ Việt Nam khi đưa nhà máy sữa Miraka tại New Zealand, Vinamilk chiếm 19,3%, vào sản xuất trong tháng 8/2011.

## Tiềm năng tăng trưởng

Theo báo cáo của OECD và FARPI, tiêu thụ sữa và các sản phẩm sữa tại Việt Nam thuộc nhóm nước thấp nhất thế giới, khoảng 15kg/người/năm. Cũng theo báo cáo này, Việt Nam là nước có tốc độ tăng trưởng tỷ lệ tiêu thụ sữa và các sản phẩm sữa bình quân đầu người tiếp tục ổn định và giữ mức cao trong nhiều năm tới.

Vinamilk đã ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu 30%/năm và lợi nhuận 27%/năm trong 2 năm qua, cao hơn mức mục tiêu theo kế hoạch năm năm 2011 - 2016 là đạt mức tăng trưởng bình quân hằng năm là 20% về doanh thu và 11% về lợi nhuận sau thuế.

Công ty tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực và mở rộng sản xuất các nhà máy sữa. Năm 2013 Vinamilk dự kiến đưa vào hoạt động 2 nhà máy và nâng công suất sữa từ mức hiện tại khoảng 1,110 ngàn tấn/năm lên mức 1,665 tấn/năm.

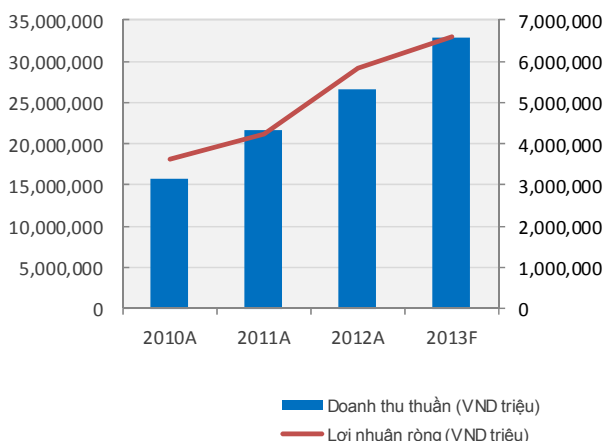
Ngoài ra, Vinamilk tiếp tục mở rộng trang trại nuôi bò với mức hiện tại từ 8,000 con lên mức 30,000 ngàn con vào năm 2020.

## Kết quả QI/2013 và triển vọng năm 2013

Kết thúc QI/2013, doanh thu Vinamilk đạt 6.676 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế đạt 1.530,8 tỷ đồng, tăng 20% so với QI/2012.

Việc đưa vào hoạt động 2 nhà máy mới trong năm 2013 và tăng giá bán bình quân 7% một số sản phẩm sữa từ đầu năm sẽ làm doanh thu ước đạt 32.847,8 tỷ đồng cho năm 2013, tăng 23,7% so với năm 2012 và lợi nhuận sau thuế ước đạt 6.606,6 tỷ đồng trong năm 2013, tăng 13,5% so với năm 2012.

### DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN 2010 - 2013F



Chỉ tiêu tài chính	2010A	2011A	2012A	2013A
Doanh thu thuần (VND triệu)	15,752,866	21,627,429	26,561,574	32,847,826
Tăng trưởng doanh thu	48.4%	37.3%	22.8%	23.7%
Lợi nhuận ròng (VND triệu)	3,616,185.0	4,218,181.0	5,819,454.7	6,606,697.7
Tăng trưởng lợi nhuận	52.2%	16.6%	38.0%	13.5%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	32.8%	30.5%	34.2%	33.3%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	23.0%	19.5%	21.9%	20.1%
ROE	50.1%	41.3%	41.6%	38.9%
ROA	37.6%	32.0%	33.0%	30.3%
EPS (VND)	4,338.5	5,145.0	6,981.0	7,926.4
BVPS (VND)	22,553.3	22,446.6	18,587.9	22,197.2
Nợ/Tổng tài sản	5.3%	0.0%	0.0%	0.0%

Nguồn : VNM và dự phóng của VFM

# SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CÔNG TY VFM ĐANG TRIỂN KHAI

## Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFMVFA)

Là công ty quản lý quỹ đầu tiên tại Việt Nam, VFM luôn năng động và đi đầu trong việc cung cấp các dòng sản phẩm, dịch vụ đa dạng đáp ứng nhu cầu đầu tư đa dạng của thị trường bao gồm các sản phẩm quỹ đầu tư dạng đóng là Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1), Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4), và các sản phẩm quản lý danh mục đầu tư.

Trong tháng 4/2013 Quỹ đầu tư năng động Việt Nam (VFMVFA) đã chính thức chuyển đổi thành công sang quỹ đầu tư công chúng dạng mở. Đây là quỹ mở đầu tư vào cổ phiếu đầu tiên trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Quỹ đã **chính thức giao dịch từ ngày 26/4/2013** với tần suất giao dịch là 2 lần trong 1 tháng vào ngày thứ Sáu tuần thứ hai và tuần thứ tư.

Cũng trong thời gian này, nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập công ty VFM và cũng đáp lại sự quan tâm và ủng hộ nhiệt tình từ Quý nhà đầu tư, Quỹ VFMVFA sẽ thực hiện chương trình khuyến mãi dành cho các nhà đầu tư hiện hữu theo danh sách cuối cùng tại ngày hủy niêm yết chứng chỉ Quỹ VFMVFA ngày 11/03/2013, theo đó:

Áp dụng phí mua lại là 0,5% giá trị bán thực hiện trong thời gian khuyến mại bắt đầu từ **24/7/2013 đến hết ngày 26/04/2014**.

## Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB)

Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB) là quỹ thứ 2 của VFM hoạt động theo hình thức quỹ đầu tư công chúng dạng mở. Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFB là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ với tỷ lệ đầu tư vào trái phiếu tối thiểu là 80% giá trị tài sản.

Chứng chỉ quỹ VFMVFB giao dịch đầu tiên vào **ngày 28/06/2013**, với tần suất giao dịch định kỳ 2 lần/tháng, vào ngày thứ Sáu thứ hai và thứ Sáu thứ tư hàng tháng (ngày T). Thời điểm đóng sổ lệnh là 10g30 phút sáng ngày T-1 (thứ Năm của kỳ giao dịch) với giá trị đăng ký mua tối thiểu là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Nhà đầu tư có thể giao dịch trực tiếp với công ty VFM hoặc tại đại lý phân phối chỉ định của Quỹ.

Trong giai đoạn đầu Quỹ hoạt động, Quỹ VFMVFB sẽ áp dụng chương trình khuyến mãi đến với nhà đầu tư theo đó, **từ 25/6/2013 đến hết 31/12/2013**:

- Miễn phí phát hành cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký mua chứng chỉ Quỹ VFMVFB trong thời gian khuyến mại.
- Áp dụng phí mua lại là 0,5% giá trị bán thực hiện trong thời gian khuyến mại. Áp dụng phí mua lại là 0,5% giá trị bán thực hiện trong thời gian khuyến mại. Sau thời gian khuyến mại, phí mua lại sẽ áp dụng theo quy định tại Bản Cáo Bạch.

## Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1)

Trong tháng 6/2013, Đại hội Bất thường của Quỹ VF1 đã diễn ra và nhà đầu tư cũng đã thống nhất thông qua kế hoạch chuyển đổi Quỹ sang thành Quỹ đầu tư công chúng dạng mở. Công ty VFM hiện đang xúc tiến các hồ sơ theo quy định và dự kiến đưa Quỹ VF1 chính thức giao dịch vào đầu tháng 11/2013.

# HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC NHÀ ĐẦU TƯ

## ĐẠI HỘI THÀNH LẬP QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VIỆT NAM (VFMVFB)

Sau khi kết thúc đợt chào bán ra công chúng đầu tiên của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB) từ ngày 25/03/2013 đến ngày 24/05/2013 với tổng số vốn huy động bao gồm phí là trên 100 tỷ đồng từ nhà đầu tư trong và ngoài nước, Quỹ VFMVFB đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 04/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/06/2013.

Vào lúc 14:30 ngày Thứ Ba 25/06/2013, Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB) đã tổ chức Đại hội Thành lập Quỹ tại khách sạn Grand, Số 8 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. HCM với sự tham dự của đại diện ngân hàng giám sát và lưu ký Deutsche Bank AG chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh, công ty Cổ phần Chứng khoán Hồ Chí Minh (HSC), công ty Dragon Captial cùng các nhà đầu tư của Quỹ đầu tư VFMVFB, đánh dấu hoạt động của Quỹ mở thứ 2 do công ty VFM quản lý.

## ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ BẤT THƯỜNG QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VF1)

Vào lúc 08:30 ngày Thứ Năm 27/06/2013, Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1) tổ chức Đại hội Nhà đầu tư Bất thường tại khách sạn Grand, Số 8 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. HCM với sự tham dự của đại diện công ty kiểm toán PWC, ngân hàng giám sát VCB và công ty VFM cùng các nhà đầu tư của Quỹ đầu tư VF1.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên cuối tháng 3/2013 vừa qua, Quỹ đầu tư VF1 đã tổ chức Đại hội NĐT bất thường trình đại hội thông qua phương án chi tiết về việc chuyển đổi Quỹ đầu tư VF1 từ quỹ đóng sang quỹ mở và các tờ trình liên quan đến hồ sơ chuyển đổi quỹ. Đại hội đã nhất trí thông qua việc chuyển đổi với tỷ lệ đồng thuận cao từ các nhà đầu tư của quỹ.

Quỹ đầu tư VF1 là quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng thứ 2 đầu tư vào cổ phiếu thực hiện việc chuyển đổi sang quỹ mở trong chuỗi các hoạt động chuyển đổi quỹ đóng của công ty VFM. Mục đích của việc chuyển đổi là giảm tỷ lệ chiết khấu của CCQ (chênh lệch giữa thị giá giao dịch và NAV) và tăng tính thanh khoản cho các giao dịch của nhà đầu tư.

Công ty VFM đang khẩn trương triển khai lộ trình chuyển đổi Quỹ đầu tư VF1 và sẽ thông tin đến quý nhà đầu tư về hoạt động hủy lưu ký, niêm yết và hướng dẫn mở tài khoản giao dịch quỹ mở.

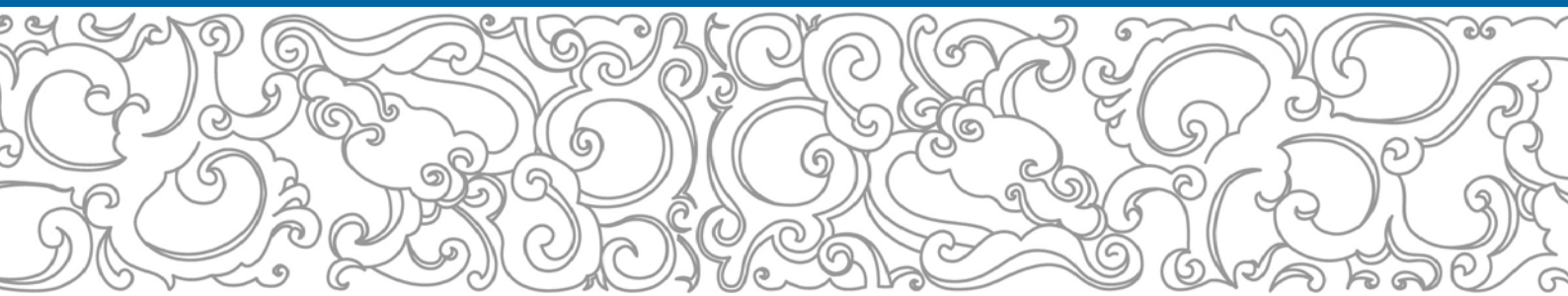
Mọi thông tin chi tiết về hoạt động của các Quỹ và các tài liệu liên quan, Quý nhà đầu tư vui lòng xem thêm tại trang web của công ty VFM [www.vinafund.com](http://www.vinafund.com).



## CẬP NHẬT THÔNG TIN PHÁP LÝ

Vào Quý II/2013, Bộ Tài chính đã ban hành 02 văn bản mới về thị trường chứng khoán, cụ thể là: Thông tư 87/2013/TT-BTC ban hành ngày 28/6/2013 hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 73/2013/TT-BTC ban hành ngày 29/5/2013 hướng dẫn chi tiết một số điều về niêm yết chứng khoán tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP. Nhìn chung, hai văn bản này đều được điều chỉnh cho thống nhất với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 và có nhiều quy định mới mở rộng và chặt chẽ hơn, chẳng hạn như:

- Theo quy định tại Thông tư số 87/2013/TT-BTC, Công ty chứng khoán phải trực tiếp cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến cho nhà đầu tư, không được ủy thác hoặc thuê các tổ chức không được phép khác thông qua hình thức thanh toán phí dịch vụ. Công ty chứng khoán cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến phải sử dụng chứng thư số trên trang thông tin điện tử, hệ thống thư điện tử của mình và khuyến nghị nhà đầu tư sử dụng chứng thư số công cộng trong giao dịch chứng khoán trực tuyến. Khi thực hiện giao dịch chứng khoán trực tuyến, nhà đầu tư có thể sử dụng phiếu lệnh điện tử, trong đó phiếu lệnh điện tử phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 của Nghị định 27/2007/NĐ-CP về Giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính. Ngoài ra, Thông tư cũng quy định chi tiết về điều kiện cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, thủ tục chấp thuận cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến và chế độ báo cáo, công bố thông tin của các công ty chứng khoán đó. Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 15/8/2013.
- Thông tư số 73/2013/TT-BTC quy định chi tiết về điều kiện niêm yết của của công ty cổ phần hình thành sau quá trình hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và thủ tục đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán. Trong đó, Tại Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM, đối với trường hợp công ty hình thành sau hợp nhất doanh nghiệp, công ty phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều 53, Nghị định 58/2012/NĐ-CP. Tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, đối với trường hợp công ty hình thành sau hợp nhất doanh nghiệp, công ty phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều 54, Nghị định 58/2012/NĐ-CP. Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 15/7/2013.



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)

Trụ sở chính  
Phòng 1701-1704, lầu 17, toà nhà Mê Linh Point  
Số 2 Ngô Đức Kế, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84.8) 3825 1488 Fax: (84.8) 38251489

Chi nhánh tại Hà Nội  
Phòng 903, tầng 9, lầu Hoàn Kiếm, toà nhà HCO  
44B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
ĐT: (84.4) 3942 8168 Fax: (84.4) 3942 8169

[ir@vinafund.com](mailto:ir@vinafund.com) | [www.vinafund.com](http://www.vinafund.com)